

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 06-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Ngọc Thắm;
Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện nguyên đơn bà Phạm Ngọc H trình bày yêu cầu:

Năm 2019 bà H cho ông Nguyễn Văn T vay mượn nợ nhiều lần, đến ngày 15/01/2021 chốt nợ là 80.000.000 đồng, ông T có làm biên nhận với số tiền nợ 80.000.000 đồng và hứa 07 ngày sẽ trả; sau khi làm biên nhận phía ông T có mượn thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng là 81.000.000 đồng. Hết thời gian trả nợ

bà H đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn chưa trả, nay bà H yêu cầu ông T có trách nhiệm trả nợ là 81.000.000 đồng.

Về lãi suất: Không yêu cầu.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời về vụ việc; Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp, phiên hòa giải cho đương sự 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Phạm Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T được triệu tập họp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

- Bà Phạm Ngọc H khởi kiện ông Nguyễn Văn T về việc thanh toán tiền vay 80.000.000 đồng và tiền mượn 1.000.000 đồng. Sau đó bà H có văn bản gửi đến Tòa án xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi lại 1.000.000 đồng tiền mượn đối với ông T. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H về phần tiền mượn 1.000.000 đồng, đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật: Bà Phạm Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T thanh toán khoản tiền vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bà Phạm Ngọc H cho rằng ông Nguyễn Văn T vay tiền không trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H, nên bà H làm đơn khởi kiện là có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà H.

Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông T thanh toán khoản tiền vay 80.000.000 đồng. Thấy rằng:

- Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nhưng bị đơn không có văn bản phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Bút lục số 22).

- Bà H có cung cấp chứng cứ là biên nhận nhận nợ bản gốc đề ngày 15/11/2021 (bút lục 22).

- Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, cho thấy việc kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn không phản đối.

Từ những cơ sở trên, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn T còn nợ tiền vay bà H. Buộc ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền nợ vay 80.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ông T chậm trả tiền phải chịu lãi suất chậm thi hành án trên số tiền chậm trả.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của bà H được chấp nhận toàn bộ, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $5\% \times 80.000.000 \text{ đồng} = 4.000.000 \text{ đồng}$.

Bà H không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi khoản tiền mượn 1.000.000 đồng của bà Phạm Ngọc H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc H về việc khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T đòi tiền nợ vay.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Ngọc H số tiền nợ vay 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông T chậm thanh toán tiền thì ông T còn phải chịu lãi suất, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% là 4.000.000 đồng.

- Bà H không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 2.025.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007575 ngày 02/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKS ND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính